

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỐC OAI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 02/2024/HSST

Ngày: 16/01/2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Ngọc Sơn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Tạ Văn Thắng.

2- Bà Nguyễn Thị Hoa.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2023/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

**Vũ Danh T**, sinh năm 1972; Nơi ĐKTT và nơi cư trú: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Thành Phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Vũ Danh M1 (đã chết) và bà Trần Thị M (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Th; Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quốc Oai. Danh chỉ bản số 309 do Công an huyện Quốc Oai lập ngày 04/10/2023. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Danh T: Ông Nguyễn Doãn Hùng, ông Lương Văn Thành, ông Trần Xuân Đức- Luật sư Công ty luật TNHH HTC Việt Nam. Địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà đa năng số 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Ông Hùng có mặt, ông Thành và ông Đức đều vắng mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1984. Địa chỉ: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

- Anh Nguyễn Bá Th1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm C, TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Xóm C, TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh Lê Văn T1, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn V, xã Ngh, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- Anh Vũ Danh H, sinh năm 1987.

Địa chỉ: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, bị cáo Vũ Danh T sử dụng tài khoản “Vu Danh T” lên mạng xã hội Zalo liên hệ với một đối tượng không quen biết (T không nhớ rõ tài khoản Zalo của đối tượng) và cung cấp thông tin cá nhân cho người đó để đặt làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là: sổ đỏ) đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> tại Tổ dân phố H, thị trấn Q, số bìa CH017835 mang tên “Vũ Danh T”. Một thời gian sau đó, có 01 người Shipper (không quen biết) liên hệ và giao cho T 01 sổ đỏ đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, số bìa CH017835, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 00835 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ký, đóng dấu ngày 26/8/2016, mang tên Vũ Danh T với giá 1.500.000 đồng (T chỉ cung cấp thông tin căn cước công dân, còn các thông tin khác của thửa đất do đối tượng kia tự nghĩ ra). T mang sổ đỏ về nhà cất giữ. Khoảng 10 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2021, do có nhu cầu cần tiền để sinh hoạt cá nhân nên T liên hệ với anh Nguyễn Hoàng N- sinh năm 1984; trú tại: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai làm chủ đề hỏi vay số tiền 20.000.000 đồng; anh N yêu cầu phải có tài sản thế chấp thì mới cho vay. Lúc này T nhớ ra mình còn có sổ đỏ giả cất ở nhà nên về lấy rồi mang sổ đỏ giả đến Văn phòng bất động sản “Hoàng Nam” tại: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai do anh N làm chủ đề vay tiền. Qua thỏa thuận, anh N đồng ý cho T cầm cố, thế chấp sổ đỏ trên và đưa cho T vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2000đồng/ngày/1.000.000 đồng, không thỏa thuận về thời hạn vay mà khi nào T có tiền trả thì lấy lại sổ đỏ và tính lãi suất với nhau. Việc vay tiền hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản. Buổi chiều cùng ngày 01/4/2021, anh N kiểm tra lại sổ đỏ của T thì nghi là sổ đỏ giả nên đã gọi điện thoại cho T và yêu cầu T đến Văn phòng bất động sản “Hoàng Nam”

để nói chuyện. Tại đây, T thừa nhận sổ đỏ mà T đã thế chấp cho N là giả và xin lỗi N. N hỏi T sổ đỏ thật đâu thì T bảo đang thế chấp tại nhà ông Nguyễn Văn Th2- sinh năm 1966; trú tại: TDP D, thị trấn Q, huyện Quốc Oai để vay số tiền 300.000.000 đồng. Lúc này, T và anh N đã thỏa thuận, thống nhất về việc anh N sẽ đưa thêm tiền cho T đi chuộc sổ đỏ đang thế chấp chỗ ông Th2 về, rồi làm thủ tục tách sổ và chuyển nhượng lại thửa đất của T cho anh N với giá 1.000.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 20.000.000 đồng mà T đã vay của anh N vào buổi sáng). Sau đó, anh N liên lạc với Lê Văn T1- sinh năm 1984, trú tại: thôn T, xã Ngh, huyện Quốc Oai thông báo việc T có thửa đất như trên muốn bán với giá 1.200.000.000 đồng thì T1 đồng ý mua. N bảo T1 cầm 300.000.000 đồng ra để làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với T. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, anh T1 đến Văn phòng bất động sản của anh N thì gặp anh N, T và anh Nguyễn Bá Th1, sinh năm 1998 địa chỉ: Xóm C, TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai đang ở tại văn phòng của anh N. Sau đó, anh T1 đi cùng T đến nhà ông Th2 để chuộc sổ đỏ của thửa đất số 90 tờ bản đồ 04 diện tích 568m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Hà Nội mang tên bà Trần Thị M là mẹ đẻ của Vũ Danh T mà gia đình T đã thế chấp cho ông Th2 trước đó. Sau khi chuộc được sổ đỏ, T1 đưa cho N để N làm thủ tục tách 1 phần thửa đất đứng tên Vũ Danh T để T chuyển nhượng cho T1 (*Tại trang 4 của sổ đỏ thể hiện: Ngày 27/3/1997 bà Trần Thị M đã tặng cho T 113m<sup>2</sup> của thửa đất số 90 có xác nhận của UBND thị trấn Q*). Quá trình làm thủ tục tách thửa đất, N gọi điện thoại cho T về việc cần phải có tiền để làm thủ tục và bảo T chuẩn bị 200.000.000 đồng nhưng T không có tiền nên T bảo N gọi điện thoại cho T1 để lấy thêm tiền. Sau khi N gọi điện cho T1 thì T1 cầm 200.000.000 đồng ra Văn phòng bất động sản “Hoàng Nam” đưa cho N và N đưa cho T 100.000.000 đồng, N giữ lại 100.000.000 đồng để làm thủ tục tách thửa như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã được bà M chia cho 1 phần đất tại trang 4 và viết giấy nhận nợ với T. Tại đây, N làm 01 Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin với T, trong Hợp đồng đặt cọc vẫn viết đặt cọc thửa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> với số tiền 500.000.000 đồng có chữ ký và điểm chỉ của T và N (*Lý do trong hợp đồng đặt cọc hai bên vẫn ghi thửa đất chuyển nhượng là thửa số 312 vì thời điểm này chưa tách được sổ đỏ nên không biết sau khi tách thửa thì thửa đất mới của T có số thửa là bao nhiêu*). Quá trình làm thủ tục tách thửa đất số 90 mang tên bà Trần Thị M, do người thân trong gia đình T không đồng ý và không hợp tác nên không tách được thửa đất. N đã liên hệ với T để lấy lại tiền nhưng T không có tiền để trả, sau đó N làm đơn gửi đến Cơ quan Công an để trình báo sự việc.

\* *Vật chứng thu giữ*: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> có địa chỉ tại Tổ dân phố H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, số bìa CH017835 mang tên Vũ Danh T (do Nguyễn Hoàng N giao nộp); 01 Hợp đồng đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng giữa Nguyễn Hoàng N và Vũ Danh T; 01 giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 90, tờ bản đồ 04, diện tích 568m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Hà Nội mang tên bà Trần Thị M (do Lê Văn T1 giao nộp).

\* *Xử lý vật chứng*: Sau khi thực hiện việc giám định, Cơ quan điều tra đã trả lại 01 Hợp đồng đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng giữa Nguyễn Hoàng N với Vũ Danh T và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 90 tờ bản đồ 04 diện tích 568m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q mang tên bà Trần Thị M cho anh Lê Văn T1 để anh T1 tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự theo quy định của pháp luật. Các vật chứng còn lại đi kèm theo hồ sơ vụ án.

\* *Tại bản kết luận giám định số 3517/KL/KHHS ngày 31/8/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đối với chữ ký, con dấu trên 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Danh T, số thửa 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Hà Nội, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 00835 do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hà Nội ký, đóng dấu ngày 26/8/2016, kết luận*:

- Con dấu đóng ra hình tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 không đóng ra hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A được tạo ra bằng phương pháp in laser màu.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Nghĩa trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của Nguyễn Hữu Nghĩa trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

\* *Tại bản Kết luận giám định số 8228/KL-KTHS ngày 04/12/2023 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an đối với chữ viết, chữ ký trong hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Hoàng N và Vũ Danh T, kết luận*:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Nguyễn Hoàng N dưới mục “BÊN ĐẶT CỌC” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Hoàng N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và dưới mục “Người tố cáo” trên mẫu so sánh ký hiệu M3 do cùng một người viết, ký ra.

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Vũ Danh T dưới mục “BÊN NHẬN ĐẶT CỌC” trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ ký của Vũ Danh T trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 do cùng một người viết, ký ra.

- Những người có mẫu chữ viết, chữ ký đứng tên: Nguyễn Hoàng N trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 và dưới mục “Người tố cáo” trên mẫu so sánh ký hiệu M3; Vũ Danh T trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 không viết ra chữ viết phần nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A. (BL 48-49).

- Đối với đối tượng đã có hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vũ Danh T: do T liên lạc qua ứng dụng Zalo, tin nhắn giữa hai bên đã bị T xóa nên không



có căn cứ để xác định đối tượng trên là ai. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý T về hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

- Hành vi của Vũ Danh T sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thừa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q số CH017835 giả đi thế chấp cho N để vay số tiền 20.000.000 đồng nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt cá nhân. Sau khi anh N phát hiện giấy tờ giả thì T và N đã thỏa thuận, thống nhất về việc N sẽ đưa thêm tiền cho T đi chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình T đang thế chấp chỗ ông Th2 về, rồi làm thủ tục tách sổ và bán lại thửa đất trên cho N với giá 1.000.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền 20.000.000 đồng mà T đã thế chấp sổ đỏ giả để vay tiền của N vào buổi sáng). Như vậy số tiền 20.000.000 đồng mà N cho T vay thế chấp sổ đỏ không bị chiếm đoạt. Do đó hành vi của T không cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Đối với hành vi anh Nguyễn Hoàng N và Vũ Danh T làm hợp đồng đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng về việc Vũ Danh T chuyển nhượng đất cho anh Nguyễn Hoàng N là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra tách các tài liệu có liên quan và hướng dẫn anh N làm đơn đến Tòa án để giải quyết theo thẩm quyền nên không giải quyết trong vụ án hình sự này.

Về dân sự: Ngày 09/01/2024, gia đình bị cáo Vũ Danh T đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai để hoàn trả cho anh Nguyễn Hoàng N.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Danh T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKSQO ngày 21/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố bị cáo Vũ Danh T về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng Khoản 1 Điều 341; các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử phạt bị cáo Vũ Danh T từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội quản lý giám sát trong thời gian thi hành án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vũ Danh T nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về vật chứng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả được chuyển làm tài liệu trong hồ sơ vụ án nên không phải xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T phải trả lại anh Nguyễn Hoàng N số tiền 20.000.000 đồng, được thanh toán vào khoản tiền gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

**Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T:** Đồng ý với Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Vũ Danh T về tội danh và điều luật áp dụng là đúng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; T đã tác động để gia đình nộp hộ số tiền 20.000.000 đồng trả lại cho anh N nhằm khắc phục hậu quả. Do T có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên mức án Viện kiểm sát đề cập đối với T là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo để tuân được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quốc Oai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Danh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập trong hồ sơ, tang vật của vụ án, lời khai bị hại, người làm chứng. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Năm 2019, Vũ Danh T nhờ người trên mạng xã hội làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup>, địa chỉ thửa đất: TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Hà Nội, có số bìa CH017835, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 00835 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội ký, đóng dấu ngày 26/8/2016 mang tên Vũ Danh T. Khoảng 10 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2021, do có nhu cầu cần tiền để sinh hoạt cá nhân nên Vũ Danh T đến Văn phòng bất động sản “Hoàng Nam” tại TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai do anh Nguyễn Hoàng N làm chủ để vay của anh N 20.000.000 đồng và đặt lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên để làm tin, hai bên thỏa thuận miệng: Lãi suất 2000đồng/ngày/1.000.000 đồng, khi nào T trả tiền để lấy lại sổ thì tính tiền lãi. Buổi chiều cùng ngày 01/4/2021, anh Nguyễn Hoàng N kiểm tra lại và nghi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của T là giấy giả, nên gọi T đến và T công nhận là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó giữa anh N và T đã thỏa thuận lại việc đi chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của gia đình T đang thế chấp tại nhà ông Nguyễn Văn Th2- sinh

năm 1966; trú tại: TDP D, thị trấn Q để làm thủ tục tách thửa đất theo sự phân chia của gia đình T được ghi nhận trong trang 4 của Giấy chứng nhận và Tuấn sẽ chuyển nhượng cho anh N thửa đất của T với giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) bao gồm cả số tiền vay 20.000.000 đồng trước đó. Tổng số tiền đặt cọc nhận chuyển nhượng đất anh N giao cho T được ghi nhận trong Hợp đồng đặt cọc là 500.000.000 đồng. Quá trình lập hồ sơ tách thửa đất, do các thành viên gia đình T không hợp tác nên không tách được thửa đất. Anh N yêu cầu T trả lại tiền thì do T chưa có tiền trả nên anh N làm đơn trình báo Cơ quan Công an.

*Tại bản kết luận giám định số 3517/KL/KHHS ngày 31/8/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an đối với chữ ký, con dấu trên 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Danh T, số thửa 312, tờ bản đồ số 41, diện tích 120m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q, huyện Quốc Oai, Hà Nội, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 00835 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hà Nội ký, đóng dấu ngày 26/8/2016, kết luận:*

- Con dấu đóng ra hình tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M3 không đóng ra hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu cần giám định ký hiệu A. Hình dấu tròn có nội dung “SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên mẫu cần giám định ký hiệu A được tạo ra bằng phương pháp in laser màu.

- Chữ ký đứng tên Nguyễn Hữu Nghĩa trên mẫu cần giám định ký hiệu A với chữ ký của Nguyễn Hữu Nghĩa trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 không phải do cùng một người ký ra.

Hành vi trên của Vũ Danh T đã phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai truy tố bị cáo Vũ Danh T về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và đúng pháp luật.

**[3]. Về hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:**

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước, xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác; gây mất trật tự an ninh trên địa bàn nên phải có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo thành người tốt và phòng, chống tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tác động để gia đình bị cáo tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai để trả lại cho anh N nhằm khắc phục hậu quả, nên bị cáo

được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo sinh sống quản lý, giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo thành người tốt.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 Hợp đồng đặt cọc số tiền 500.000.000 đồng giữa Nguyễn Hoàng N với Vũ Danh T và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 90 tờ bản đồ 04 diện tích 568m<sup>2</sup> tại TDP H, thị trấn Q mang tên bà Trần Thị M cho anh Lê Văn T1 để anh T1 tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự theo quy định của pháp luật là đúng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của thửa đất số 312 đã được chuyển làm tài liệu trong hồ sơ vụ án nên không phải xử lý.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T phải trả lại anh Nguyễn Hoàng N số tiền 20.000.000 đồng, được thanh toán vào khoản tiền gia đình bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai ngày 09/01/2024.

Đối số tiền 500.000.000 đồng anh Nguyễn Hoàng N đặt cọc cho T để nhận chuyển nhượng đất theo Hợp đồng đặt cọc, đây là quan hệ dân sự. Cơ quan điều tra đã tách các tài liệu có liên quan và hướng dẫn anh N làm đơn khởi kiện vụ án dân sự đến Tòa án để giải quyết theo quy định là đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Tuyên bố bị cáo Vũ Danh T phạm tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 341; các điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo **Vũ Danh T** 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Danh T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội quản lý giám sát trong thời gian thi hành án.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.



Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Vũ Danh T nếu bị cáo Vũ Danh T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

**Về dân sự:** Bị cáo Vũ Danh T phải trả lại cho anh Nguyễn Hoàng N số tiền vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), được thanh toán vào khoản tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) do gia đình bị cáo T nộp hộ theo Biên lai thu tiền số 0019789 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

**Về án phí:** Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Vũ Danh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

**Quyền kháng cáo:** Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Công an huyện Quốc Oai
- VKSND huyện Quốc Oai;
- Chi cục THA dân sự huyện Quốc Oai;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đỗ Ngọc Sơn**